TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 85/2023/HS-PT
Ngày: 20/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa
Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên
Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Tô Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***:
Ông Nguyễn Văn Thiết - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 153/2023/TLPT-HS ngày 19/10/2023 đối với bị cáo Nguyễn Văn L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 54/2023/HS-ST, ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện M T, tỉnh V L.

- <u>*Bị cáo có kháng cáo*</u>:

Nguyễn Văn L, sinh năm 1998 tại tỉnh V L; nơi cư trú: Ấp P T B, xã N P, huyện M T, tỉnh V L; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Y; vợ, con: Chưa có; anh chị em ruột có 04 người (lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đã được xóa.

Bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- <u>*Người bào chữa cho bị cáo*</u>: Luật sư **Trần Hồ N** – Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Trần N và Cộng sự. (có mặt)

Địa chỉ: Số 112A, N H, Phường 2, thành phố V L, tỉnh V L.

- <u>*Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị*</u>:

Trương Văn N, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp P T B, xã N P, huyện M T, tỉnh V L.

- <u>*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*</u>:

Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Anh **Trương Hoàng K**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Chị **Nguyễn Thị Mỹ X**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp P T B, xã N P, huyện M T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau*:

Vào ngày 14/07/2022, bị cáo Trương Văn N điều khiển phương tiện mô tô biển số 64F4-8370 lưu thông trên đường Huyện 30/4 thuộc địa bàn xã N P, huyện M T thì lực lượng Công an tỉnh V L phối hợp với Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện M T yêu cầu dừng phương tiện để kiểm tra, N sử dụng giấy phép lái xe (GPLX) A1, Số: 860226012755; tên Trương Văn N; cấp ngày 12/01/2022 để xuất trình cho lực lượng Cảnh sát giao thông. Qua kiểm tra phát hiện giấy phép lái xe trên không do cơ quan có thẩm quyền cấp nên lực lượng Cảnh sát giao thông tiến hành lập biên bản thu giữ. Qua làm việc thì N thừa nhận GPLX hạng A1 trên là do bị cáo Nguyễn Văn L làm giả. Sau đó vụ việc được chuyển cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M T để điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn L đã thừa nhận hành vi làm GPLX giả của mình và khai nhận vào khoảng giữa năm 2020, bị cáo L sử dụng Facebook cá nhân phát hiện tài khoản Facebook (L không nhớ tên tài khoản) đăng bài quảng cáo làm giấy phép lái xe mô tô hạng A1, không qua thi sát hạch. L chưa có giấy phép lái xe và có nhu cầu sử dụng nên L đã đăng ký với tài khoản Facebook trên để làm giấy phép lái xe.

Sau đó thông qua tài khoản Facebook quảng cáo làm giấy phép lái xe giới thiệu cho L, hướng dẫn L cung cấp số điện thoại 0986.736.953 của L để kết bạn Zalo tên "Nguyễn Hưng Gplx" để tư vấn, trao đổi, thỏa thuận việc làm giấy phép lái xe cho L. L sử dụng tài khoản Zalo tên "Nguyen Van L" (được đăng ký bằng số điện thoại 0986.736.953) kết bạn với tài khoản Zalo tên "Nguyễn Hưng Gplx". Sau đó L đã chụp chứng minh nhân dân, hình ảnh, số điện thoại và địa chỉ thông qua tài khoản Zalo "Nguyen Van L" để gửi cho người có tài khoản Zalo "Nguyễn Hưng Gplx".

Khoảng 10 ngày sau, L nhận 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 có thông tin: Số 860205001022; tên Nguyễn Văn L, cấp ngày 15/9/2020, kèm theo 01 (một) bộ hồ sơ thi giấy phép lái xe giả gồm: 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 01 đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe và L đã thanh toán số tiền 1.800.000 đồng cho nhân viên giao hàng. Sau khi nhận được giấy phép lái xe L có kể lại việc làm giấy phép lái xe giả của bản thân cho Nguyễn Văn T, Trương Văn N, Trương Hoàng K nghe và nói làm giấy giả nhưng giống y như thật và từ đó những người trên đã yêu cầu L làm giúp giấy phép lái xe giả.

Vào khoảng tháng 10/2021, L đã giới thiệu cho Nguyễn Văn T (anh ruột của L) về tài khoản Zalo tên "Nguyễn Hưng Gplx" để T tự liên hệ làm giấy phép lái xe giả. Sau đó T đã chụp chứng minh nhân dân, hình ảnh chân dung thông qua tài khoản Zalo "T Nguyễn" để gửi cho người có tài khoản Zalo "Nguyễn Hưng Gplx" và đặt cọc số tiền 100.000 đồng qua số tài khoản 17473707. Khoảng 10 ngày sau Tài nhận được GPLX hạng A1 có thông tin: Số 860215001944; tên Nguyễn Văn T, cấp ngày 07/5/2021, kèm theo 01 (một) bộ hồ sơ thi giấy phép lái xe giả gồm: 01 đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe và 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe mô tô và T đã đưa số tiền 1.500.000 đồng cho nhân viên giao hàng.

Vào khoảng tháng 03/2022, bị cáo Trương Văn N có nhờ L làm một giấy phép lái xe hạng A1 với số tiền là 1.600.000 đồng. L gửi thông tin của N gồm: ảnh căn cước công dân và ảnh chân dung, địa chỉ, số điện thoại liên lạc để nhận giấy phép lái xe cho đối tượng làm giấy tờ giả trên mạng xã hội thông qua tài khoản Zalo "Nguyễn Hưng Gplx". Khoảng 10 ngày sau, N nhận được GPLX hạng A1 có thông tin: Số 860226012755; tên Trương Văn N, cấp ngày 12/01/2022, kèm theo 01 (một) bộ hồ sơ thi giấy phép lái xe giả gồm: 01 đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe, 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe và 01 biên bản sát hạch thực hành lái xe và N đã đưa số tiền 1.600.000 đồng cho nhân viên giao hàng.

Sau khi Trương Văn N nhận được GPLX hạng A1 giả xong thì người sử dụng tài khoản Zalo tên "Nguyễn Hưng Gplx" nhắn tin qua Zalo sẽ gửi tiền hoa hồng cho L 200.000 đồng và yêu cầu L cung cấp số tài khoản ngân hàng để chuyển tiền. Do L không có số tài khoản ngân hàng nên L đã mượn tài khoản ngân hàng của Nguyễn Văn T, số TK: 04011001463232 tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam gửi cho người sử dụng tài khoản Zalo tên "Nguyễn Hưng Gplx" để nhận tiền. Tuy nhiên, người sử dụng tài khoản Zalo tên "Nguyễn Hưng Gplx" không có chuyển tiền cho L. Đến khoảng tháng 4/2022 L đã chủ động nhắn tin đến người sử dụng tài khoản Zalo tên "Nguyễn Hưng Gplx" để đòi tiền hoa hồng và đề nghị làm thêm 01 GPLX hạng A1 giả nữa nhưng người sử dụng tài khoản Zalo tên "Nguyễn Hưng Gplx" không trả lời.

Đến tháng 6/2022, L tiếp tục nhắn tin đến người sử dụng tài khoản Zalo tên "Nguyễn Hưng Gplx" đề nghị làm 01 GPLX hạng A1 giả cho Trương Hoàng K. Lúc này, người sử dụng tài khoản Zalo tên "Nguyễn Hưng Gplx" nhắn tin lại chốt giá từ 1.600.000 đồng xuống còn 1.200.000 đồng (sau khi trừ tiền hoa hồng cho L 400.000 đồng), L đồng ý. Sau đó, L gửi thông tin của Kiếm gồm: ảnh chụp căn cước công dân và ảnh chân dung, địa chỉ, cho đối tượng làm giấy tờ giả trên mạng xã hội thông qua tài khoản Zalo "Nguyễn Hưng Gplx" để làm GPLX hạng A1 giả cho K. Khoảng 30 ngày sau, L nhận được GPLX A1 có thông tin: Số:860213659203, tên Trương Hoàng K, cấp ngày 25/5/2021, kèm theo 01 (một) bộ hồ sơ thi giấy phép lái xe giả gồm: 01 đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe, 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe. Sau đó, L đã đưa cho K và nhận số tiền 1.200.000 đồng, do K có hoàn cảnh khó khăn nên L không có nhận tiền hoa hồng 400.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, L đã thừa nhận hành vi làm GPLX giả của mình. L, N, T, K đã tự nguyện giao nộp 03 GPLX và hồ sơ liên quan gồm: 01 (một) GPLX hạng A1, số: 860205001022 tên Nguyễn Văn L; 01 (một) GPLX hạng A1, số: 860215001944 tên Nguyễn Văn T; 01 (một) GPLX hạng A1, số: 860213659203 tên Trương Hoàng K; 02 (hai) biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình; 04 (bốn) đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe; 04 (bốn) biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe. Sau khi sự việc xảy ra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mang Thít tiếp tục thu giữ: 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam sung, màu vàng đồng bên trong có sim Viettel số thuê bao 0986.736.953 của Nguyễn Văn L và 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam sung, màu đen bên trong có sim Viettel số thuê bao 0383.620.520 của Trương Văn N.

Tại Kết luận giám định số: 933/KL-KTHS ngày 02/01/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long kết luận: 04 (bốn) GPLX hạng A1, số: 860205001022, cấp ngày 15/9/2020; số: 860215001944, cấp ngày 07/5/2021, số: 860226012755, cấp ngày 12/01/2022, số: 860213659203, cấp ngày 25/5/2021 là giấy phép lái xe giả.

Đối với 02 (hai) biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình; 04 (bốn) biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, không thể hiện được địa chỉ rõ ràng, không xác định được Sở giao thông vận tải thuộc tỉnh nào nên không thể tiến hành xác minh và thu thập mẫu dấu, mẫu chữ ký để trưng cầu giám định. Do đó, đủ căn cứ xác định 02 (hai) biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình; 04 (bốn) biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe là tài liệu giả. Đối với 04 (bốn) đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe là tài liệu cá nhân nên không xem xét.

Ngày 20/02/2023, của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M T ra quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn L về tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"* quy định tại khoản 2 Điều 341 và Trương Văn N về tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn L và Trương Văn N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Về thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:

+ 01 (một) GPLX hạng A1, số: 860205001022 tên Nguyễn Văn L;

+ 01 (một) GPLX hạng A1, số: 860215001944 tên Nguyễn Văn T

+ 01 (một) GPLX hạng A1, số: 860226012755 tên Trương Văn N;

+ 01 (một) GPLX hạng A1, số: 860213659203 tên Trương Hoàng K.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M T đã chứng minh là những GPLX giả của các đối tượng. Đây là vật chứng có liên quan đến vụ án nên tiếp tục tạm giữ chờ xử lý.

+ 02 (hai) biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình, 04 (bốn) đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe và 04 (bốn) biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe. Đây là những tài liệu có liên quan trực tiếp đến vụ án nên lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam sung, màu vàng đồng bên trong có sim Viettel số thuê bao 0986.736.953 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam sung, màu đen bên trong có sim Viettel số thuê bao 0383.620.520.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M T đã chứng minh là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn L và Trương Văn N. Đây là công cụ dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tiếp tục tạm giữ chờ xử lý.

Đối với điện thoại di động Nguyễn Văn T dùng để liên lạc với người sử dụng tài khoản Zalo tên "Nguyễn Hưng Gplx". Hiện nay T đã làm mất không thu hồi được.

Qua sự việc làm GPLX giả cho Trương Văn N và Trương Hoàng K thì Nguyễn Văn L được người sử dụng tài khoản Zalo tên "Nguyễn Hưng Gplx" chi tiền hoa hồng với số tiền 400.000 đồng bằng cách trừ vào số tiền làm GPLX cho Trương Hoàng K từ 1.600.000 đồng xuống còn 1.200.000 đồng. Do K hoàn cảnh khó khăn nên L không nhận số tiền trên, do đó L không phải nộp lại số tiền này.

Đối với Nguyễn Văn T thông qua bị cáo Lộc giới thiệu tự làm giấy phép lái xe giả cho mình và Trương Hoàng K nhờ L làm giấy phép lái xe giả. Qua kết quả điều tra xác định Nguyễn Văn T và Trương Hoàng K chưa sử dụng các giấy tờ giả để thực hiện hành vi trái pháp luật nên hành vi không cấu thành tội phạm.

Đối với người sử dụng tài khoản Zalo tên "Nguyễn Hưng Gplx", quá trình điều tra chưa xác định được số điện thoại đăng ký tài khoản nêu trên nên chưa xác định nhân thân, lai lịch của người này, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Đối với số tài khoản: 17473707 nhận đặt cọc 100.000 đồng của Nguyễn Văn T. Qua kết quả điều tra xác định tài khoản này là của Nguyễn Văn Q, sinh ngày 19/9/1986, đang tạm trú tại Thôn T T, xã Đ B, huyện A D, thành phố H P. Hiện tại Nguyễn Văn Q không có mặt tại địa phương và không xác định được hiện tại Q đang ở đâu, làm gì. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Đối với nhân viên giao hàng đã giao 04 GPLX giả và hồ sơ giả cho Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Trương Văn N, Trương Hoàng K. Qua quá trình điều tra chưa xác định được nhân viên giao hàng là ai, của Bưu cục nào nên không tiến hành làm việc được.

- *Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2023/HS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện M T, tỉnh V L đã tuyên xử*:

1. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội *"*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức". Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo L.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Trương Văn N phạm tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*. Xử phạt bị cáo Trương Văn N 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện M T nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo N cho Ủy ban nhân dân xã N P, huyện M T, tỉnh V L giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã N P, huyện M T, tỉnh V L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn việc khấu trừ thu nhập và miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo N.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo Trương Văn N, về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 29/8/2023, bị cáo Nguyễn Văn L có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo hoặc cho bị cáo được hưởng án treo.

- *Tại cấp phúc thẩm*: Bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc xin hưởng án treo. Bị cáo có bổ sung đơn xác nhận tặng giấy khen cho bị cáo trong

công tác phòng chống dịch và bằng tổ quốc ghi công liệt sĩ có quan hệ là anh ruột của ông nội bị cáo.

- *Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa*:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L và sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2023/HS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện M T, tỉnh V L.

Về điều luật áp dụng, tội danh và hình phạt: Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 02 (hai) năm tù về tội *"*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức", nhưng cho hưởng án treo.

Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên bị cáo kháng cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Đối với các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- *Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo*:

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có cung cấp đơn xác nhận tặng giấy khen cho bị cáo trong công tác phòng chống dịch và gia đình có công với cách mạng được tặng bằng tổ quốc ghi công. Bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo.

- *Phần tranh luận*: Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và Kiểm sát viên không tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo là xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của kháng cáo:

Bị cáo kháng cáo đã thực hiện đúng thủ tục và thời hạn theo quy định tại Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên được xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm. Đối với người tham gia tố tụng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị và không có liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm chưa rõ ràng nhưng lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không có mâu thuẫn, phù hợp với kết luận giám định, các biên bản hoạt động điều tra, cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để xác định:

Vào giữa năm 2020, bị cáo L sử dụng Facebook cá nhân của L cung cấp số điện thoại 0986.736.953 của L kết bạn Zalo tên "Nguyễn Hưng Gplx" để tư vấn, trao đổi, thỏa thuận việc làm giấy phép lái xe giả cho L. L sử dụng tài khoản Zalo tên "Nguyen Van L"

(được đăng ký bằng số điện thoại 0986.736.953) kết bạn với tài khoản Zalo tên "Nguyễn Hưng Gplx". Sau đó, L đã chụp chứng minh nhân dân, hình ảnh, số điện thoại và địa chỉ thông qua tài khoản Zalo "Nguyen Van L" để gửi cho người có tài khoản Zalo "Nguyễn Hưng Gplx". Khoảng 10 ngày sau, L nhận 01 (một) giấy phép lái xe A1 đứng tên Nguyễn Văn L và kèm theo 01 (một) bộ hồ sơ thi giấy phép lái xe, L đã thanh toán số tiền 1.800.000 đồng cho nhân viên giao hàng.

Với thủ đoạn và hình thức tương tự, từ tháng 10/2021 đến tháng 6/2022, L đã giới thiệu cho Nguyễn Văn T làm giấy phép lái xe hạng A1 và L đã nhận đặt làm GPLX hạng A1 cho Trương Văn N, Trương Hoàng K. Qua sự việc làm GPLX giả cho Trương Văn N và Trương Hoàng K thì L được người sử dụng tài khoản Zalo tên "Nguyễn Hưng Gplx" chi tiền hoa hồng với số tiền 400.000 đồng bằng cách trừ vào số tiền làm GPLX cho Trương Hoàng K từ 1.600.000 đồng xuống còn 1.200.000 đồng, do K có hoàn cảnh khó khăn nên L không nhận số tiền thu lợi bất chính. Tuy L không trực tiếp tạo ra giấy tờ giả nhưng L là người nhận đặt làm giấy tờ giả cho N và K và yêu cầu N và K cung cấp thông tin, giấy tờ cho L để L thực hiện, sau đó L đã thực hiện hoàn thành và giao giấy phép lái xe hạng A1 kèm theo 01 (một) bộ hồ sơ thi giấy phép lái xe giả cho Nguyên và K.

Ngày 14/7/2022, bị cáo Trương Văn N sử dụng GPLX hạng A1 giả để tham gia giao thông, khi bị lực lượng Cảnh sát giao thông yêu cầu kiểm tra thì N xuất trình giấy phép lái xe giả nhằm lừa dối cơ quan chức năng.

Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) theo như án sơ thẩm đã tuyên là đúng người, đúng tội.

[3] Về kháng cáo của bị cáo:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội về hành vi phạm tội cũng như về nhân thân để xử phạt bị cáo mức án 02 năm tù là không nặng, đã tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo. Qua đó, nhằm răn đe, giáo dục để bị cáo cải tạo, sửa chữa trở thành người tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung cho xã hội đối với loại tội phạm này.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào khác theo luật định để xem xét cho bị cáo ngoài tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, quan điểm của người bào chữa cho bị cáo xin được hưởng án treo là chưa đủ cơ sở chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 54/2023/HS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện M T, tỉnh V L đã tuyên về hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về án phí phúc thẩm:

Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị cáo kháng cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự phúc thẩm quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2023/HS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện MT, tỉnh VL.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L 02 (hai) năm tù** về tội *"*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo L.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TANDCC+VKSNDCC tại TP. HCM;
- VKSND TVL;
- Sở Tư pháp TVL;
- Phòng hồ sơ CATVL;
- CA+VKS huyện M T;
- TA+CCTHADS huyện M T;
- UBND xã N P;
- Bị cáo, Người TGTT khác (nếu có);
- TAND TVL (TNV+P.KTNVTHA);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nguyên Khoa